

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành, nghề:** CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ
2. **Mã ngành, nghề:** 6510303
3. **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
4. **Thời gian đào tạo:** 03 năm

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	32
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	29
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	3
MH 10	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử 1	3
MH 12	Kỹ thuật điện tử 2	2
MH 13	Khí cụ điện	2
MH 14	Cung cấp điện	3
MH 15	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 16	Điện tử công suất	3
MH 17	Máy điện	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 18	Vẽ kỹ thuật	3
MH 19	Quản trị doanh nghiệp	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	48
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	46
MH 20	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 21	Thực tập điện cơ bản	2
MH 22	Kỹ thuật Audio - Video	2
MH 23	Thiết kế mạch điện tử	3
MH 24	Vi điều khiển	2
MH 25	Truyền động điện	3
MH 26	Trang bị điện 1	2
MH 27	Trang bị điện 2	3
MH 28	PLC	4
MH 29	Thực tập Vi điều khiển	2
MH 30	Năng lượng tái tạo	2
MH 31	Thực tập máy điện	2
MH 32	Thực tập trải nghiệm	5
MH 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 35	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MH 36	Tin học ứng dụng	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MH 37	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	2
	Hoặc học bổ sung	
MH 38	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	2
	TỔNG (I+II):	103

Tổng 103 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 6520227

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	80
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	32
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	29
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	3
MH 10	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử 1	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử 2	2
MH 13	Khí cụ điện	2
MĐ 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MĐ 15	Điện tử công suất	3
MH 16	Cung cấp điện	3
MH 17	Máy điện	2
II.1.2	Các môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 18	Vẽ kỹ thuật	3
MH 19	Quản trị doanh nghiệp	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	46
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	46
MH 20	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 21	Thực tập điện cơ bản	2
MH 22	Truyền động điện	3
MĐ 23	Năng lượng tái tạo	2
MĐ 24	Vi điều khiển	3
MĐ 25	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MĐ 26	Kỹ thuật điện lạnh	3
MĐ 27	Trang bị điện 1	2
MĐ 28	Trang bị điện 2	3
MĐ 29	PLC	4
MĐ 30	Matlab ứng dụng ngành điện	1
MĐ 31	Thực tập máy điện	2
MĐ 32	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học, mô đun tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 36	Bảo vệ Rơle và tự động hóa trong hệ thống điện	2
	TỔNG (I+II):	101

Tổng 101 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

2. Mã ngành, nghề: 6510305

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	32
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	29
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	3
MH 10	Vật liệu điện và an toàn điện	3
MH 11	Kỹ thuật điện tử 1	3
MĐ 12	Kỹ thuật điện tử 2	2
MH 13	Khí cụ điện	2
MH 14	Kỹ thuật đo lường - cảm biến	4
MH 15	Điện tử công suất	3
MH 16	Cung cấp điện	3
MH 17	Máy điện	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 18	Kỹ thuật điện lạnh	3
MH 19	Vẽ kỹ thuật	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	48
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	48
MH 20	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MĐ 21	Thực tập điện cơ bản	2
MH 22	Truyền động điện	3
MH 23	Vi điều khiển	3
MĐ 24	Điều khiển thủy lực - khí nén	2
MĐ 25	Trang bị điện 1	2
MĐ 26	Trang bị điện 2	3
MĐ 27	PLC	4
MĐ 28	Hệ thống Scada	3
MĐ 29	Năng lượng tái tạo	2
MH 30	Hệ thống điều khiển tự động	3
MĐ 31	Thực tập máy điện	2
MĐ 32	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	2
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 36	Thực tập hệ thống thông tin công nghiệp	2
	TỔNG (I+II):	103

Tổng 103 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

2. Mã ngành, nghề: 6520205

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	84
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Kỹ thuật điện	3
MH 10	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí	4
MH 11	Máy điện	2
MH 12	Trang bị điện lạnh	4
MH 13	Kỹ thuật điện tử	3
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 14	Vẽ kỹ thuật	3
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	59
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	57
MH 16	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 17	Đo lường Điện - Lạnh	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 18	Thực tập kỹ thuật điện tử	2
MH 19	PLC	3
MH 20	Lạnh cơ bản	3
MH 21	Kỹ thuật lắp đặt điện	1
MH 22	Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	3
MH 23	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	3
MH 24	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	3
MH 25	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	2
MH 26	Thực tập máy điện	1
MH 27	Thực tập trang bị điện lạnh	2
MH 28	Thực tập hàn	2
MH 29	Thực tập lạnh cơ bản	2
MH 30	Thực tập hệ thống điều hoà không khí cục bộ	2
MH 31	Thực tập hệ thống máy lạnh dân dụng và thương nghiệp	2
MH 32	Thực tập Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	2
MH 33	Thực tập Hệ thống máy lạnh công nghiệp	2
MH 34	Thực tập trải nghiệm	5
MH 35	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 36	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.1	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 37	Điện tử công suất	2
MH 38	Điện tử ứng dụng	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MH 39	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	2
	Hoặc học bổ sung	
MH 40	Tự động hóa trong hệ thống lạnh	2
	TỔNG (I+II):	105

Tổng 105 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

2. Mã ngành, nghề: 6520225

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	75
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	2
MH 10	Linh kiện điện tử	3
MĐ 11	Đo lường Điện tử	2
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	3
MH 13	Kỹ thuật mạch Điện tử II	3
MH 14	Kỹ thuật xung - số	3
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 15	Thiết kế mạch điện tử	3
MH 16	Lập trình lắp đặt vi mạch ứng dụng	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	49
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	46
MH 17	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 18	Điện tử công suất	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 19	PLC	5
MH 20	Vi điều khiển	3
MĐ 21	Kỹ thuật cảm biến	2
MĐ 22	Điện cơ bản	2
MĐ 23	Hệ thống viễn thông	2
MĐ 24	Thiết bị bay không người lái	2
MĐ 25	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MĐ 26	Thực tập Kỹ thuật mạch điện tử I	2
MĐ 27	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MĐ 28	Thực tập Vi điều khiển	2
MĐ 29	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 30	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 31	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 32	Vi mạch số lập trình	3
MH 33	Xử lý số tín hiệu	3
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 34	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 35	Mạng truyền thông công nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	96

Tổng 96 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG

2. Mã ngành, nghề: 6520224

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	79
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lý thuyết mạch	2
MH 10	Linh kiện điện tử	3
MH 11	Đo lường Điện tử	2
MH 12	Kỹ thuật mạch Điện tử I	3
MH 13	Kỹ thuật mạch Điện tử II	3
MH 14	Kỹ thuật xung - số	3
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 15	Thiết kế mạch Điện tử	3
MH 16	Hệ thống viễn thông	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	53
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	50
MH 17	Tiếng Anh chuyên ngành	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 18	Điện tử công suất	3
MH 19	PLC	5
MH 20	Vi điều khiển	3
MH 21	Kỹ thuật cảm biến	2
MH 22	Máy thu hình	2
MH 23	Lập trình lắp đặt vi mạch ứng dụng	3
MH 24	Camera	3
MH 25	Thực tập Linh kiện điện tử	2
MH 26	Thực tập Kỹ thuật xung - số	2
MH 27	Thực tập Kỹ thuật mạch điện tử I	2
MH 28	Thực tập Vi Điều khiển	2
MH 29	Thực tập thiết bị điện - điện tử	2
MH 30	Thực tập trải nghiệm	5
MH 31	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 32	Thực tập tốt nghiệp	7
II.3.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 33	Hệ thống cảnh báo trộm, báo cháy	3
MH 34	Thực tập truyền dẫn	3
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 35	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 36	Thực tập Kỹ thuật Audio&Video	3
	TỔNG (I+II):	100

Tổng 100 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2. Mã ngành, nghề: 6480201

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	76
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	30
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	27
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MĐ 09	Lập trình căn bản	3
MH 10	An toàn bảo mật thông tin	2
MH 11	Toán rời rạc	2
MH 12	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 13	Cơ sở dữ liệu	3
MH 14	Kiến trúc máy tính	3
MH 15	Mạng máy tính	3
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MĐ 17	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 18	Kỹ thuật điện tử	3
MH 19	Đồ họa ứng dụng	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	43

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	43
MĐ 20	Lập trình hướng đối tượng	3
MĐ 21	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
MH 22	Phân tích thiết kế hệ thống	3
MH 23	Nguyên lý hệ điều hành	2
MĐ 24	Thiết kế và lập trình web	3
MĐ 25	Lập trình .Net	3
MĐ 26	Thiết kế và lập trình Flash	3
MH 27	Lý thuyết đồ thị	2
MĐ 28	Lập trình Python	3
MĐ 29	Đồ án chuyên ngành	1
MĐ 30	Thực tập trải nghiệm	5
MĐ 31	Thực tập doanh nghiệp	5
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MĐ 33	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MĐ 34	Công nghệ phần mềm	3
	TỔNG (I+II):	97

Tổng 97 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KỸ THUẬT SỬA CHỮA VÀ LẮP RÁP MÁY TÍNH

2. Mã ngành, nghề: 6480102

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	74
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	24
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Lập trình căn bản	3
MH 10	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2
MH 11	Cơ sở dữ liệu	3
MH 12	Kiến trúc máy tính	3
MH 13	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 14	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3
MH 15	Đo lường Điện tử	2
MH 16	Kỹ thuật điện tử	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	47
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	44
MH 17	Lập trình hướng đối tượng	3
MH 18	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3
MH 19	Phân tích thiết kế hệ thống	3
MH 20	Nguyên lý hệ điều hành	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 21	Mạng máy tính	3
MH 22	Sửa chữa mainboard	2
MH 23	Sửa chữa bộ nguồn máy tính	2
MH 24	Sửa chữa màn hình	2
MH 25	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	3
MH 26	Lập trình Python	3
MH 27	Đồ án chuyên ngành	1
MH 28	Thực tập trải nghiệm	5
MH 29	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 30	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 31	Đồ họa ứng dụng	3
MH 32	Công nghệ phần mềm	3
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 33	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	3
MH 34	Sửa chữa mainboard nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	95

Tổng 95 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

2. Mã ngành, nghề: 6510201

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	75
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	23
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	21
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 12	Vẽ kỹ thuật	3
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Autocad	3
MH 15	Chi tiết máy	2
MH 16	Nguyên lý máy	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 17	Nguyên lý cắt	2
MH 18	Kỹ thuật Điện	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	49

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	47
MH 19	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 20	Đồ gá	2
MH 21	Công nghệ CAD/CAM/CNC	3
MH 22	Công nghệ chế tạo máy	4
MH 23	Tiện trụ ngoài	3
MH 24	Phay, bào mặt phẳng	3
MH 25	Tiện lỗ	1
MH 26	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	1
MH 27	Phay bánh răng trụ răng thẳng	1
MH 28	Tiện côn	1
MH 29	Tiện ren	2
MH 30	Mài phẳng, mài tròn	1
MH 31	Thực tập Tiện CNC	3
MH 32	Thực tập Phay CNC	3
MH 33	Thực tập trải nghiệm	5
MH 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 36	Chế tạo phôi	2
MH 37	Máy cắt kim loại	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 38	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 39	Công nghệ CAD/CAM/CNC nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	96

Tổng 96 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

2. Mã ngành, nghề: 6510216

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	80
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	15
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	12
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	2
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 12	Vẽ kỹ thuật	3
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	3
MH 13	Cơ kỹ thuật	3
MH 14	Hệ thống thủy lực khí nén	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	63
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	61
MH 15	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 16	Kết cấu động cơ đốt trong	3
MH 17	Kết cấu khung gầm ô tô	3
MH 18	Hệ thống điện động cơ và điện thân xe ô tô	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 19	Lý thuyết sửa chữa ô tô	3
MH 20	Hệ thống điều hoà không khí trên ô tô	2
MH 21	Cảm biến và cơ cấu chấp hành trong hệ thống cơ điện tử ô tô	3
MH 22	Điện tử cơ bản	3
MH 23	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô	3
MH 24	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	3
MH 25	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MH 26	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MH 27	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MH 28	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ Diesel.	2
MH 29	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện ô tô	3
MH 30	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống khung - gầm - bệ ô tô	3
MH 31	Đồ án động cơ đốt trong	1
MH 32	Thực tập trải nghiệm	5
MH 33	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 34	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn học)	2
MH 35	Kỹ thuật lái ô tô	2
MH 36	Thực tập sơn ô tô	2
MH 37	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	2
MH 38	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	2
	Hoặc học bổ sung	
MH 39	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng mô tô - xe máy	2
	TỔNG (I+II):	101

Tổng 101 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ (Chương trình đào tạo chất lượng cao)

2. Mã ngành, nghề: 6510216

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

- Học kỳ 1: Từ 08/2023 đến 12/2023

- Học kỳ 4: Từ 01/2025 đến 07/2025

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	98
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	29
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vật liệu cơ khí	3
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	3
MH 12	Vẽ kỹ thuật	3
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Tiếng Anh nâng cao	3
MH 15	Điện tử cơ bản	3
MH 16	Hệ thống thủy lực khí nén	2
MH 17	Tổ chức quản lý sản xuất	2
MH 18	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	66
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	64
MH 19	Tiếng Anh chuyên ngành	3
MH 20	Cảm biến và cơ cấu chấp hành trong hệ thống cơ điện tử ô tô	3
MH 21	Lý thuyết sửa chữa ô tô	2

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 22	Kết cấu động cơ đốt trong	3
MH 23	Nguyên lý động cơ đốt trong	3
MH 24	Kỹ thuật chẩn đoán ô tô	2
MH 25	Kết cấu khung gầm ô tô	3
MH 26	Trang bị điện ô tô	4
MH 27	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng bộ phận cố định và cơ cấu trục khuỷu thanh truyền	3
MH 28	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2
MH 29	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống bôi trơn - làm mát	2
MH 30	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2
MH 31	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu Đ/c Diesel.	2
MH 32	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện ô tô	3
MH 33	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống khung - gầm - bệ ô tô	3
MH 34	Thực tập sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống phun xăng điện tử	2
MH 35	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	1
MH 36	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng hộp số tự động ô tô	1
MH 37	Thực tập trải nghiệm	5
MH 38	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 39	Thực tập tốt nghiệp	9
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn học)	2
MH 40	Kỹ thuật lái ô tô	2
MH 40	Thực tập sơn ô tô	2
MH 41	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 42	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 43	Thực tập sửa chữa và bảo dưỡng mô tô - xe máy	3
	TỔNG (I+II):	119

Tổng 119 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: KẾ TOÁN

2. Mã ngành, nghề: 6340301

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	82
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	4
MH 11	Quản trị học	2
MH 12	Nguyên lý thống kê	2
MH 13	Marketing căn bản	2
MH 14	Luật kinh tế	2
MH 15	Tài chính tiền tệ	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	59
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	57
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 17	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 18	Kế toán doanh nghiệp 1	5
MH 19	Kế toán doanh nghiệp 2	5

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Thống kê doanh nghiệp	2
MH 21	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
MH 22	Kế toán hành chính sự nghiệp	2
MH 23	Kế toán thuế	2
MH 24	Kế toán quản trị	3
MH 25	Kế toán máy	2
MH 26	Kế toán thương mại và dịch vụ	2
MH 27	Thuế	2
MH 28	Thị trường chứng khoán	2
MH 29	Kiểm toán căn bản	2
MH 30	Thực hành kế toán hành chính sự nghiệp	2
MH 31	Thực hành kế toán máy	2
MH 32	Thực hành kế toán doanh nghiệp	5
MH 33	Thực tập trải nghiệm	3
MH 34	Thực tập doanh nghiệp	3
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	6
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 36	Quản trị doanh nghiệp	2
MH 37	Thanh toán quốc tế	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 38	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 39	Kế toán ngân hàng	3
	TỔNG (I+II):	103

Tổng 103 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: QUẢN TRỊ KINH DOANH

2. Mã ngành, nghề: 6340404

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	84
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	22
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	3
MH 11	Quản trị học	2
MH 12	Nguyên lý thống kê	2
MH 13	Marketing căn bản	2
MH 14	Luật kinh tế	2
MH 15	Tài chính doanh nghiệp	2
MH 16	Tài chính tiền tệ	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	59
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	53
MH 17	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 18	Thống kê doanh nghiệp	2
MH 19	Quản trị tài chính	2
MH 20	Quản trị chiến lược	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 21	Quản trị dự án đầu tư	3
MH 22	Quản trị marketing	3
MH 23	Quản trị Logistic	2
MH 24	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3
MH 25	Quản trị nhân lực	3
MH 26	Quản trị chất lượng	3
MH 27	Kế toán doanh nghiệp	3
MH 28	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
MH 29	Quản trị văn phòng	2
MH 30	Thương mại điện tử căn bản	3
MH 31	Thanh toán quốc tế	2
MH 32	Thực hành Kế toán doanh nghiệp	2
MH 33	Khởi sự kinh doanh	2
MH 34	Thực tập trải nghiệm	3
MH 35	Thực tập doanh nghiệp	3
MH 36	Thực tập tốt nghiệp	6
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 3 trong 5 môn học)	6
MH 37	Thuế	2
MH 38	Kiểm toán căn bản	2
MH 39	Thị trường chứng khoán	2
MH 40	Tâm lý học quản lý	2
MH 41	Kinh tế bảo hiểm	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 42	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 43	Kinh tế quốc tế	3
	TỔNG (I+II):	105

Tổng 105 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

2. Mã ngành, nghề: 6340122

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	87
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	20
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Marketing điện tử	3
MH 11	Pháp luật thương mại điện tử	2
MH 12	Thương mại điện tử căn bản	3
MH 13	Thương mại di động	2
MH 14	Mạng máy tính	2
MH 15	Thanh toán điện tử	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	64
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	60
MH 16	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ họa	3
MH 17	Tiếng anh thương mại đện tử	2
MH 18	Chính phủ điện tử	2
MH 19	Quản trị chất lượng dịch vụ bán hàng	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại	3
MH 21	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm hàng hóa	3
MH 22	Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	4
MH 23	Tài chính - Ngân hàng	2
MH 24	Khai báo hải quan điện tử	3
MH 25	Kinh tế thương mại	3
MH 26	Quản trị mạng	2
MH 27	Quản trị Logistic	2
MH 28	Thiết kế và lập trình website thương mại	3
MH 29	Thiết kế lập trình Flash	3
MH 30	Thuế	2
MH 31	Thực hành giao dịch B2B, B2C, C2C	5
MH 32	Thực hành Nghiệp vụ bán hàng trực tuyến	2
MH 33	Khởi sự kinh doanh	2
MH 34	Thực tập trải nghiệm	3
MH 35	Thực tập doanh nghiệp	3
MH 36	Thực tập tốt nghiệp	6
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 2 trong 3 môn học)	4
MH 37	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2
MH 38	Chăm sóc khách hàng	2
MH 39	Quản trị tài chính	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 40	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 41	Thương mại quốc tế	3
	TỔNG (I+II):	108

Tổng 108 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: MAY THỜI TRANG

2. Mã ngành, nghề: 6540205

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	11
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH08	Vật liệu may	2
MH09	Vẽ kỹ thuật ngành may	2
MH10	Thiết bị và an toàn ngành may	2
MH11	Nhân trắc học	2
MH12	Quản lý chất lượng sản phẩm	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	71
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	71
MH 13	Thiết kế quần âu, áo sơ mi nam nữ	3
MH 14	Thiết kế áo Jacket, váy	3
MH 15	May áo sơ mi nam, nữ	2
MH 16	May quần âu nam, nữ	2
MH 17	May áo jacket, váy	2
MH 18	Thiết kế áo dài	2
MH 19	Thiết kế mẫu công nghiệp	3
MH 20	Sáng tác mẫu	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 21	Thiết kế trên máy tính	4
MH 22	Công nghệ sản xuất	4
MH 23	Thiết kế sản phẩm trên Manocanh	4
MH 24	Xử lý hoàn tất sản phẩm trong May Công nghiệp	2
MH 25	Thiết kế đồ họa	2
MH 26	Thiết kế áo vest nữ	2
MH 27	Tiếng Anh chuyên ngành	2
MH 28	Thực hành May áo sơ mi nam, nữ	4
MH 29	Thực hành May quần âu nam, nữ	3
MH 30	Thực hành May áo jacket, váy	3
MH 31	Thực hành may áo dài	2
MH 32	Thực hành May áo vest nữ	3
MH 33	Thực tập trải nghiệm	5
MH 34	Thực tập doanh nghiệp	5
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 36	Đồ án tốt nghiệp	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 37	Giác sơ đồ trên máy tính	3
	TỔNG (I+II):	106

Tổng 106 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bì

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG TRUNG QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 6220209

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	76
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Tiếng việt thực hành	2
MH 10	Dẫn luận ngôn ngữ	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	65
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	63
MH 11	Nghe, nói tiếng Trung 1	4
MH 12	Đọc, viết tiếng Trung 1	4
MH 13	Nghe, nói tiếng Trung 2	4
MH 14	Đọc, viết tiếng Trung 2	4
MH 15	Hán ngữ tổng hợp 1	3
MH 16	Hán ngữ tổng hợp 2	3
MH 17	Nghe, nói tiếng Trung 3	3
MH 18	Đọc, viết tiếng Trung 3	3
MH 19	Hán ngữ tổng hợp 3	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Dịch nói 1	2
MH 21	Dịch nói 2	2
MH 22	Dịch viết 1	3
MH 23	Dịch viết 2	3
MH 24	Lý huyết dịch	2
MH 25	Đất nước học	2
MH 26	Ngữ pháp	2
MH 27	Từ vựng	3
MH 28	Văn học Trung Quốc	2
MH 29	Thực tập trải nghiệm	4
MH 30	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 01 trong 02 môn học)	2
MH 31	Tiếng Trung du lịch	2
MH 32	Tiếng Trung thương mại	2
II.3	Tốt nghiệp	3
MH 33	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	97

Tổng 97 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG HÀN QUỐC

2. Mã ngành, nghề: 6220211

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	77
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 09	Dẫn luận ngôn ngữ	3
MH 10	Tiếng việt thực hành	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	66
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	66
MH 11	Nghe, nói tiếng Hàn 1	4
MH 12	Đọc, viết tiếng Hàn 1	4
MH 13	Nghe, nói tiếng Hàn 2	4
MH 14	Đọc, viết tiếng Hàn 2	4
MH 15	Nghe, nói tiếng Hàn 3	4
MH 16	Đọc, viết tiếng Hàn 3	4
MH 17	Nghe, nói tiếng Hàn 4	4
MH 18	Đọc, viết tiếng Hàn 4	4
MH 19	Nghe, nói tiếng Hàn 5	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Đọc, viết tiếng Hàn 5	4
MH 21	Tiếng Hàn du lịch	3
MH 22	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng	3
MH 23	Văn hóa Hàn Quốc	3
MH 24	Tiếng Hàn phiên dịch	3
MH 25	Tiếng Hàn biên dịch	3
MH 26	Thực tập trải nghiệm	4
MH 27	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp	3
MH 28	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	98

Tổng 98 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TIẾNG NHẬT

2. Mã ngành, nghề: 6220212

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	78
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	8
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Khái quát về văn hóa xã hội Nhật Bản	3
MH 09	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
MH 10	Tiếng việt thực hành	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	67
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	67
MH 11	Tiếng nhật 1	5
MH 12	Tiếng Nhật trong công việc	5
MH 13	Thực hành tiếng Nhật 1	2
MH 14	Tiếng Nhật 2	5
MH 15	Thực hành tiếng Nhật 2	2
MH 16	Tiếng Nhật 3	5
MH 17	Thực hành tiếng Nhật 3	2
MH 18	Tiếng Nhật 4	5
MH 19	Thực hành tiếng Nhật 4	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 1	3
MH 21	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 2	3
MH 22	Ngữ pháp tiếng Nhật nâng cao 3	3
MH 23	Văn bản tiếng Nhật	4
MH 24	Tiếng Nhật kinh tế thương mại	3
MH 25	Đọc hiểu tiếng Nhật nâng cao	4
MH 26	Nghe hiểu tiếng Nhật nâng cao	3
MH 27	Thực tập trải nghiệm	4
MH 28	Thực tập tốt nghiệp	7
II.2.2	Các môn học tự chọn	0
II.3	Tốt nghiệp	3
MH 29	Chuyên đề/Khóa luận tốt nghiệp	3
	TỔNG (I+II):	99

Tổng 99 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

2. Mã ngành, nghề: 6340202

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	78
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	18
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Kinh tế vi mô	3
MH 09	Kinh tế vĩ mô	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	3
MH 11	Quản trị học	2
MH 12	Nguyên lý thống kê	2
MH 13	Marketing căn bản	2
MH 14	Tài chính tiền tệ	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	57
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	55
MH 15	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 16	Tài chính doanh nghiệp	3
MH 17	Kế toán doanh nghiệp	3
MH 18	Marketing ngân hàng	2
MH 19	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	4
MH 21	Tín dụng ngân hàng	2
MH 22	Toán tài chính	3
MH 23	Kế toán ngân hàng	3
MH 24	Thị trường chứng khoán	2
MH 25	Quản trị ngân hàng thương mại	3
MH 26	Thanh toán quốc tế	2
MH 27	Phân tích báo cáo tài chính	2
MH 28	Kinh tế bảo hiểm	3
MH 29	Tài chính công	2
MH 30	Tài chính quốc tế	3
MH 31	Thực tập trải nghiệm	2
MH 32	Thực tập doanh nghiệp	3
MH 33	Thực hành tín dụng ngân hàng	2
MH 34	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	5
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 36	Định giá bất động sản	2
MH 37	Thuế	2
II.3	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 38	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 39	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3
	TỔNG (I+II):	99

Tổng 99 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC

2. Mã ngành, nghề: 6510401

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	28
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Vẽ kỹ thuật	2
MH 10	Hoá vô cơ	3
MH 11	Hóa hữu cơ	3
MH 12	Hóa phân tích	4
MH 13	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học 1	3
MH 14	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học 2	3
MH 15	Hóa lý 1	3
MH 16	Hóa lý 2	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	18
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	16
MH 17	Kỹ thuật đo lường và tự động hóa	2
MH 18	Hóa học và hóa lý polimer	3
MH 19	Công nghệ sản xuất silicat	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Công nghệ sản xuất sơn	2
MH 21	Công nghệ sản xuất phân bón	3
MH 22	Công nghệ chế biến dầu mỏ	3
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 23	Cơ sở thiết kế nhà máy hóa chất	2
MH 24	Kỹ thuật sản xuất xenlulose và giấy	2
II.3	Thực hành, thực tập	32
II.3.1	Các môn học bắt buộc	30
MH 25	Thực tập trải nghiệm	4
MH 26	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 27	Đồ án công nghệ chế biến dầu mỏ	2
MH 28	Thực hành hóa vô cơ	2
MH 29	Thực hành hóa hữu cơ	1
MH 30	Thực hành hóa lý	1
MH 31	Thực hành hóa phân tích	2
MH 32	Đồ án quá trình và thiết bị và công nghệ hóa học	2
MH 33	Thực tập tốt nghiệp	10
II.3.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 34	Đồ án thiết kế nhà máy hóa chất	2
MH 35	Đồ án môn công nghệ sản xuất sơn	2
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 36	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 37	Công nghệ điện hóa	3
	TỔNG (I+II):	102

Tổng 102 tín chỉ (Môn học GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện không tính vào điểm Trung bình)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

2. Mã ngành, nghề: 6510421

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	27
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	Hóa phân tích	4
MH 10	Hóa lý	3
MH 11	Môi trường đại cương	2
MH 12	Hóa kỹ thuật môi trường	2
MH 13	Quá trình và thiết bị công nghệ môi trường 1	3
MH 14	Quá trình và thiết bị công nghệ môi trường 2	3
MH 15	Công nghệ xử lý khí thải và kiểm soát tiếng ồn	2
MH 16	Vẽ kỹ thuật	2
MH 17	Vi sinh môi trường	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	21
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	19
MH 19	Công nghệ xử lý nước thải	3
MH 20	Quan trắc môi trường	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 21	Độc học môi trường	2
MH 22	Sản xuất sạch hơn	2
MH 23	Hệ thống thông tin địa lý	3
MH 24	Đánh giá tác động môi trường	2
MH 25	Mạng cấp nước sinh hoạt	2
MH 26	Công nghệ xử lý nước cấp	3
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 27	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2
MH 28	Phân tích môi trường	2
II.3	Thực hành, thực tập	30
MH 29	Thực tập trải nghiệm	4
MH 30	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 31	Đồ án quá trình và thiết bị công nghệ môi trường	2
MH 32	Thực hành xử lý nước	2
MH 33	Thực hành xử lý khí thải	1
MH 34	Thực hành vi sinh môi trường	1
MH 35	Thực hành hóa phân tích	2
MH 36	Đồ án công nghệ xử lý nước cấp	1
MH 37	Đồ án công nghệ xử lý nước thải	1
MH 38	Thực tập tốt nghiệp	10
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 39	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 40	Quy hoạch môi trường	3
	TỔNG (I+II):	102

Tổng 102 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CẮT GỌT KIM LOẠI

2. Mã ngành, nghề: 6520121

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	16
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Vật liệu cơ khí	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 14	Nguyên lý máy-Chi tiết máy	2
MH 15	Autocad	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	11
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	9
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 17	Nguyên lý cắt	3
MH 18	Máy cắt kim loại	2
MH 19	Công nghệ CAD/CAM/CNC	2
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 20	Chế tạo phôi	2
MH 21	Đồ gá	2
II.3	Thực hành, thực tập	55
MH 22	Thực tập trải nghiệm	4
MH 23	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 24	Thực tập Ngươi	2
MH 25	Thực tập Hàn	2
MH 26	Phay, bào mặt phẳng ngang, song song, vuông góc, nghiêng	3
MH 27	Phay, bào rãnh, xọc rãnh	2
MH 28	Phay, bào rãnh đuôi én	1
MH 29	Phay bánh răng trụ răng thẳng	2
MH 30	Tiện trụ ngắn, trụ bậc, tiện trụ dài	3
MH 31	Tiện lỗ	2
MH 32	Tiện côn	1
MH 33	Tiện lệch tâm, tiện định hình	1
MH 34	Tiện ren tam giác	2
MH 35	Tiên ren vuông	1
MH 36	Tiên ren thang	1
MH 37	Thực tập Tiện CNC	3
MH 38	Thực tập Phay CNC	3
MH 39	Thực tập EDM & wirecut	2
MH 40	Tiện lăn nhám, lăn ép	1
MH 41	Phay bào đa giác	1
MH 42	Thực tập tốt nghiệp	12
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 43	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 44	Công nghệ CAD/CAM/CNC nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	106

Tổng 106 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: HÀN

2. Mã ngành, nghề: 6520123

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	85
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	16
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Vật liệu cơ khí	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 14	Hệ thống Thủy lực- khí nén	2
MH 15	Autocad	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	10
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	8
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 17	Công nghệ Hàn	3
MH 18	Thiết bị hàn	2

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 19	Lý thuyết khai triển	1
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 20	Kết cấu hàn	2
MH 21	Chế tạo phôi	2
II.3	Thực hành, thực tập	56
MH22	Thực tập trải nghiệm	4
MH23	Thực tập doanh nghiệp	6
MH24	Chế tạo phôi hàn	2
MH25	Gá lắp kết cấu hàn	2
MH26	Hàn hồ quang tay cơ bản	4
MH27	Hàn hồ quang tay nâng cao	4
MH28	Hàn MIG, MAG cơ bản	2
MH29	Hàn MIG, MAG nâng cao	2
MH30	Hàn TIG cơ bản	2
MH31	Hàn TIG nâng cao	2
MH32	Hàn, cắt bằng ngọn lửa khí	3
MH33	Quy trình hàn	2
MH34	Kiểm tra đánh giá chất lượng mối hàn	1
MH35	Hàn tiếp xúc (Hàn điện trở)	2
MH36	Hàn tự động dưới lớp thuốc	2
MH37	Hàn kim loại và hợp kim màu	2
MH38	Robot Hàn	2
MH39	Thực tập tốt nghiệp	12
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 40	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	0
MH 41	Robot Hàn nâng cao	3
	TỔNG (I+II):	106

Tổng 106 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: NGUỘI SỬA CHỮA MÁY CÔNG CỤ

2. Mã ngành, nghề: 6520126

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	81
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	18
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	16
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Vật liệu cơ khí	2
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 13	Cơ kỹ thuật	2
MH 14	Nguyên lý máy-Chi tiết máy	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 15	Autocad	2
MH 16	Kỹ thuật Điện	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	9
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	7
MH 17	Công nghệ sửa chữa máy công cụ	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 18	Máy cắt kim loại	2
MH 19	Lý thuyết chuyên môn Nguội	3
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 20	Hệ thống Thủy lực- khí nén	2
MH 21	Chế tạo phôi	2
II.3	Thực hành, thực tập	51
MH 22	Thực tập trải nghiệm	4
MH 23	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 24	Thực tập Hàn	2
MH 25	Thực tập Tiện - phay - bào	2
MH 26	Lựa chọn phương án công nghệ và vạch dấu chi tiết cần sửa chữa	1
MH 27	Gia công các chi tiết cần sửa chữa bằng dụng cụ cầm tay	8
MH 28	Gia công các chi tiết cần sửa chữa có sự hỗ trợ của máy	3
MH 29	Tháo, lắp máy có độ phức tạp $R < 10$	4
MH 30	Tháo, lắp máy có độ phức tạp $R > 10$	4
MH 31	Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn, làm mát	1
MH 32	Bảo dưỡng hệ thống hiển thị	1
MH 33	Bảo dưỡng hệ thống điều khiển	1
MH 34	Sửa chữa các chi tiết điển hình	4
MH 35	Thực tập tốt nghiệp	10
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 36	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 37	Công nghệ chế tạo máy	3
	TỔNG (I+II):	102

Tổng 102 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình c

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

2. Mã ngành, nghề: 6510103

3. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21
MH 01	Giáo dục Chính trị	4
MH 02	Pháp luật	2
MH 03	Tin học	3
MH 04	Tiếng Anh	6
MH 05	Giáo dục thể chất	2
MH 06	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	83
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	16
II.1.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	14
MH 07	Giao tiếp và kỹ năng sống	1
MH 08	Toán cao cấp	3
MH 09	An toàn lao động	1
MH 10	Vẽ kỹ thuật	3
MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
MH 12	Cơ kỹ thuật	2
MH 13	Vật liệu xây dựng	2
II.1.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 14	Autocad	2
MH 15	Trắc địa	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	10
II.2.1	Các môn học, mô đun bắt buộc	8
MH 16	Tiếng anh chuyên ngành	2
MH 17	Kết cấu bê tông cốt thép	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ
MH 18	Kỹ thuật thi công	2
MH 19	Dự toán xây dựng	2
II.2.2	Các môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)	2
MH 20	Tổ chức thi công	2
MH 21	Máy xây dựng	2
II.3	Thực hành, thực tập	54
MH 22	Thực tập trải nghiệm	4
MH 23	Thực tập doanh nghiệp	6
MH 24	Thực tập nhận thức xây dựng	8
MH 25	Thực hành trắc địa	8
MH 26	Thực tập Công nhân XD	12
MH 27	Thực tập địa chất công trình	6
MH 28	Thực tập tốt nghiệp	10
II.4	Tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp hoặc học bổ sung)	3
MH 29	Đồ án tốt nghiệp (Dành cho SV đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp)	3
	Hoặc học bổ sung	
MH 30	Dự toán xây dựng	3
	TỔNG (I+II):	104

Tổng 104 tín chỉ (Học phần GDQP&AN, GDTC là môn học điều kiện, không tính điểm Trung bình)